

Số: 27/2023/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 5071/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

“Điều 3. Quy định cụ thể nội dung, mức chi

1. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi cấp trung học phổ thông: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; tập huấn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia (chi tiết theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết).

2. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi cấp tỉnh: Thi tuyển sinh vào lớp 10; thi các lớp cuối cấp tiếng Khmer; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa; thi chọn học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia; thi nghề phổ thông (chi tiết theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết).

3. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh tổ chức hàng năm, từ 2 năm trở lên tổ chức 1 lần và các cuộc thi, hội thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức: Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp học; hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi các cấp học; cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp; hội thi Giải toán trên máy tính cầm tay; cuộc thi khoa học kỹ thuật; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; hội thi vở sạch chữ đẹp môn tiếng Khmer cấp học tiểu học và trung học cơ sở; cuộc thi IOE (tiếng Anh) các cấp học; cuộc thi hùng biện và kể chuyện bằng tiếng Anh các cấp học; hội thi Viết bằng tiếng Anh các cấp học; cuộc thi giải Toán qua mạng Violympic các cấp học (các môn thi Toán Tiếng Việt, Toán Tiếng Anh, Vật lí, Tiếng Việt); cuộc thi Tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử cấp trung học; hội thi hoạt động giáo dục STEM các cấp học; hội thi viết đúng - viết đẹp cấp học tiểu học; hội thi Làm đồ dùng dạy học cấp học mầm non; hội thi Ngôi nhà trẻ thơ cấp học mầm non; cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai”; cuộc thi “Viết thư quốc tế UPU”; các hội thi chuyên đề khác (do Bộ, ngành, các cơ quan, đoàn thể tổ chức) được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch (chi tiết theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết).

4. Nội dung, mức chi tổ chức Hội khỏe Phù Đổng; giải thể thao cho học sinh; hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường phổ thông; các hoạt động thể thao phối hợp cùng các tổ chức Đoàn thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch (chi tiết theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết).

5. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, Hội khỏe Phù Đổng, giải thể thao cho học sinh và hội thao cấp huyện: Mức chi bằng 80% mức chi tương ứng cho từng nội dung chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội khỏe, hội thao cấp tỉnh quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Đối với các cuộc thi, hội thi, Hội khỏe Phù Đổng, giải thể thao cho học sinh và hội thao cấp trường: Mức chi bằng 60% mức chi tương ứng cho từng nội dung chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội khỏe, hội thao cấp tỉnh quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

7. Nội dung, mức chi khen thưởng các kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa (chi tiết theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết).

8. Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.”

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 12, thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023././. KW

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: TP, TC, GD và ĐT, LĐ-TB và XH;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TP, TC, GD và ĐT, LĐ-TB và XH; Cục Thống kê, Cục Thuế tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT và TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

Phụ lục I

NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG: TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG; THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP QUỐC GIA; TẬP HUẤN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI DỰ THI CẤP QUỐC GIA
(Kèm theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)



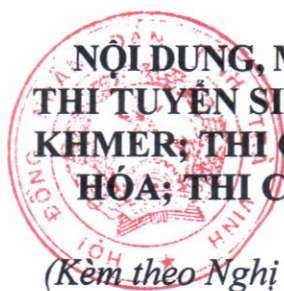
Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
I	Tốt nghiệp trung học phổ thông	1. Ban Chỉ đạo thi			
		- Trưởng ban	600	người/ngày	
		- Phó Trưởng ban Thường trực	450	người/ngày	
		- Phó Trưởng ban	450	người/ngày	
		- Ủy viên, thư ký	300	người/ngày	
		- Nhân viên phục vụ	200	người/ngày	
		2. Hội đồng thi			
		- Chủ tịch Hội đồng	600	người/ngày	
		- Phó Chủ tịch	450	người/ngày	
		- Ủy viên	300	người/ngày	
		3. Hội đồng/Ban in sao đề thi			
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	450	người/ngày	
		- PCT Hội đồng/Phó Trưởng ban	350	người/ngày	
		- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ, phục vụ làm việc cách ly (vòng trong)	250	người/ngày	
		- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	200	người/ngày	
		- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	250	người/ngày	

Handwritten signature

Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
		4. Ban Thư ký			
		- Trưởng ban	450	người/ngày	
		- Phó Trưởng ban	350	người/ngày	
		- Ủy viên	250	người/ngày	
		5. Hội đồng/Ban Coi thi			
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	450	người/ngày	
		- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	350	người/ngày	
		- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	350	người/ngày	
		- Trưởng điểm thi	350	người/ngày	
		- Phó trưởng điểm thi	250	người/ngày	
		- Công an vòng trong (24/24)	250	người/ngày	
		- Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, giám sát	250	người/ngày	
		- Công an, bảo vệ, phục vụ, y tế	200	người/ngày	
		6. Ban/Tổ làm phách			
		- Trưởng ban/Tổ trưởng	450	người/ngày	
		- Phó Trưởng ban/Tổ phó	350	người/ngày	
		- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	250	người/ngày	
		- Nhân viên phục vụ, y tế (vòng trong); phục vụ và bảo vệ vòng ngoài	200	người/ngày	
		7. Hội đồng/Ban chấm thi: Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội			

Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
		đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi			
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	450	người/ngày	
		- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	350	người/ngày	
		- Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	350	người/ngày	
		- Ủy viên/cán bộ chấm thi, thư ký, kỹ thuật viên, giám sát	250	người/ngày	
		- Chi cho cán bộ chấm phúc khảo	250	người/ngày	
		- Chi cho cán bộ chấm thẩm định bài thi	250	người/ngày	
		- Công an, phục vụ vòng trong (24/24)	250	người/ngày	
		- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	200	người/ngày	
		8. Tiền công chấm thi: <i>Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành</i> <i>Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi trắc nghiệm</i>			
		- Bài thi tự luận (tối thiểu chấm 12 bài/ngày/người)	250	người/ngày	
		- Bài thi trắc nghiệm (tối thiểu chấm 230 bài/ngày/người)	250	người/ngày	
		9. Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (áp dụng đối với thanh tra kiêm nhiệm)			
		- Trưởng đoàn thanh tra	450	người/ngày	
		- Phó trưởng đoàn	350	người/ngày	

Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú	
		- Thành viên, thư ký đoàn thanh tra	250	người/ngày		
II	Thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông các môn văn hóa	1. Hội đồng/Ban Coi thi				
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	450	người/ngày		
		- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	350	người/ngày		
		- Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	350	người/ngày		
		- Công an vòng trong (24/24)	250	người/ngày		
		- Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi	250	người/ngày		
		- Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	200	người/ngày		
		2. Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia				
		Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	200	người/ngày		
		Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	250	Tiết		
		Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	250	Tiết		
		Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	94	Tiết		



Phụ lục II

**NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỀ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI CẤP TỈNH:
THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10; THI CÁC LỚP CUỐI CẤP TIẾNG
KHMER; THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH CÁC MÔN VĂN
HÓA; THI CHỌN HỌC SINH GIỎI DỰ THI CẤP QUỐC GIA;
THI NGHỀ PHỔ THÔNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Số TT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Hội đồng thi			
	- Chủ tịch Hội đồng	400	người/ngày	
	- Phó Chủ tịch	350	người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký	300	người/ngày	
2	Thành viên Ban Thư ký			
	- Trưởng ban	360	người/ngày	
	- Phó Trưởng ban	320	người/ngày	
	- Ủy viên	230	người/ngày	
3	Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi			
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	360	người/ngày	
	- Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	320	người/ngày	
	- Phó Chủ tịch/Phó ban	320	người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ, phục vụ vòng trong (24/24h)	230	người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	200	người/ngày	
4	Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi			
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	360	người/ngày	

NGUYEN

Số TT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	320	người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ, phục vụ làm việc cách ly (vòng trong)	230	người/ngày	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	200	người/ngày	
	- Thành viên bộ phận vận chuyên đề thi	230	người/ngày	
5	Thành viên Hội đồng/Ban Coi thi			
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	360	người/ngày	
	- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	320	người/ngày	
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	320	người/ngày	
	- Trưởng điểm	320	người/ngày	
	- Phó trưởng điểm	230	người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, kỹ thuật viên, công an vòng trong	230	người/ngày	
	- Công an, bảo vệ vòng ngoài, phục vụ, y tế	200	người/ngày	
6	Thành viên Ban/Tổ làm phách			
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	360	người/ngày	
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó	320	người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký, phục vụ, công an làm việc cách ly (vòng trong)	230	người/ngày	
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	200	người/ngày	
7	Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi: Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi			

Số TT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	360	người/ngày	
	- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	320	người/ngày	
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	320	người/ngày	
	- Ủy viên/cán bộ chấm thi, thư ký, kỹ thuật viên	230	người/ngày	
	- Chi cho cán bộ chấm phúc khảo	230	người/ngày	
	- Chi cho cán bộ chấm thẩm định bài thi	230	người/ngày	
	- Chi cho cán bộ chấm phúc khảo bài thi học sinh giỏi	230	người/ngày	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	200	người/ngày	
8	Tiền công ra đề thi			
	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>			
	- Chủ trì	270	người/ngày	
	- Các thành viên	180	người/ngày	
9	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận			
	- Đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	180	Đề theo phân môn	
	- Đề thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia	180	Đề theo phân môn	
10	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm			
	- Đề tự luận	440	người/ngày	
	- Đề trắc nghiệm	440	người/ngày	
	- Đề thi nói	440	người/ngày	

Số TT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
	- Đề thi chọn học sinh giỏi vòng tỉnh	650	người/ngày	
11	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
11.1	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>			
	- Chủ trì	270	người/ngày	
	- Thành viên	180	người/ngày	
11.2	<i>Tiền công đối với câu hỏi</i>			
	- Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	35	Câu	
	- Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	30	Câu	
	- Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	25	Đồng/câu	
	- Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	18	Đồng/câu	
	- Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	5	Đồng/câu	
11.3	<i>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm</i>			
	- Chủ trì	270	người/ngày	
	- Thành viên	180	người/ngày	
12	Tiền công chấm thi:			
	- Bài thi tự luận, bài thi nói và bài thực hành thi học sinh giỏi (tối thiểu 4 bài/ngày/người)	180	người/ngày	
	- Tuyển sinh các lớp đầu cấp, ngữ văn Khmer (tối thiểu 12 bài/ngày/người)	180	người/ngày	
	- Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (tối thiểu 4 bài/ngày/ người)	180	người/ngày	

Số TT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
	- Chi chấm trắc nghiệm (tối thiểu chấm 230 bài/ngày/người)	180	người/ngày	
13	Chi bồi dưỡng dạy học sinh giỏi vòng tỉnh, bồi dưỡng lựa chọn đội tuyển dự thi vào đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia	150	Tiết	
14	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (áp dụng đối với thanh tra kiêm nhiệm)			
	- Trưởng đoàn thanh tra	360	người/ngày	
	- Phó trưởng đoàn thanh tra	320	người/ngày	
	- Thành viên, thư ký đoàn thanh tra	230	người/ngày	
15	Tiền ăn, giải khát giữa giờ cho thành viên ra đề, in sao đề và làm phách trong thời gian cách ly tập trung	Thực hiện theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh		
16	Tiền ăn, giải khát giữa giờ cho học sinh tập huấn trong đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Thực hiện theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh		



Phụ lục III
NỘI DUNG CHI, MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC CÁC CUỘC THI,
HỘI THI CẤP TỈNH TỔ CHỨC HÀNG NĂM, TỪ 2 NĂM TRỞ LÊN
TỔ CHỨC 1 LẦN VÀ CÁC CUỘC THI, HỘI THI DO BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO TỔ CHỨC

(Kèm theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công các cuộc thi, hội thi từ 2 năm trở lên tổ chức 1 lần (1.000đ)	Mức chi/ Tiền công các cuộc thi, hội thi tổ chức hàng năm (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Ban Tổ chức				
	- Trưởng ban	350	315	người/ngày	
	- Phó Trưởng ban	275	250	người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký	200	180	người/ngày	
	- Bảo vệ, phục vụ	200	180	người/ngày	
2	Ra đề thi				
2.1	Chi cho công tác ra đề thi chính thức và dự bị				
	Chi cho cán bộ ra đề thi	275	250	người/ngày	
2.2	Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng/Ban ra đề thi				
	- Chủ tịch Hội đồng	350	315	người/ngày	
	- Phó Chủ tịch thường trực	275	250	người/ngày	
	- Các Phó Chủ tịch	275	250	người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký	200	180	người/ngày	
	- Phục vụ	200	180	người/ngày	
3	Tổ chức coi thi				

Handwritten signature

STT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công các cuộc thi, hội thi từ 2 năm trở lên tổ chức 1 lần (1.000đ)	Mức chi/ Tiền công các cuộc thi, hội thi tổ chức hàng năm (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
	- Chủ tịch Hội đồng	350	315	người/ngày	
	- Phó Chủ tịch Hội đồng	275	250	người/ngày	
	- Ủy viên, thư ký, giám thị	200	180	người/ngày	
	- Bảo vệ, phục vụ	200	180	người/ngày	
4	Tổ chức chấm thi				
4.1	<i>Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành</i>				
	- Giám khảo chấm bài thi	200	180	người/ngày	
	- Giám khảo chấm thực hành	275	250	người/ngày	
	- Giám khảo chấm đồ dùng dạy học và sáng kiến kinh nghiệm...	275	250	người/ngày	
	- Chi cho việc thuê, mua vận chuyên dụng cụ thí nghiệm, nguyên vật liệu, hóa chất, mẫu thực hành...			Theo thực tế phát sinh	
4.2	<i>Chấm bài thi trắc nghiệm</i>				
	- Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	275	250	người/ngày	
4.3	<i>Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo, thẩm định</i>				
	- Chủ tịch Hội đồng	350	315	người/ngày	
	- Phó Chủ tịch thường trực	275	250	người/ngày	
	- Các Phó Chủ tịch	275	250	người/ngày	

STT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công các cuộc thi, hội thi từ 2 năm trở lên tổ chức 1 lần (1.000đ)	Mức chi/ Tiền công các cuộc thi, hội thi tổ chức hàng năm (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	200	180	người/ngày	
	- Bảo vệ, phục vụ	200	180	người/ngày	
5	Chi khen thưởng				
5.1	Cá nhân				
	Giải nhất	1.000	900	Thí sinh	
	Giải nhì	800	720	Thí sinh	
	Giải ba	600	540	Thí sinh	
	Giải khuyến khích	400	360	Thí sinh	
5.2	Tập thể				
	Giải nhất	1.500	1.350	Mỗi giải chỉ chọn 01 đơn vị	
	Giải nhì	1.300	1.170		
	Giải ba	1.100	990		
	Giải khuyến khích	900	810		
6	Các khoản chi khác theo thực tế			Căn cứ Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp trong phạm vi dự toán được giao	
7	Tiền xe, tiền ăn cho người tham dự			Căn cứ theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị hiện hành	

STT	Nội dung chi	Mức chi/ Tiền công các cuộc thi, hội thi từ 2 năm trở lên tổ chức 1 lần (1.000đ)	Mức chi/ Tiền công các cuộc thi, hội thi tổ chức hàng năm (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
8	Các cuộc thi, hội thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức				
	- Tiền ăn luyện tập chuẩn bị tham dự	50	50	người/ngày	
	- Tiền nước uống trong thời gian tham dự	40	40	người/ngày	
	- Tiền ăn (tính từ ngày đi đến ngày về)	150	150	người/ngày	
	- Tiền nghỉ đêm (tính từ ngày đi đến ngày về)	250	250	người/ngày	
	- Các khoản chi khác theo thực tế			Căn cứ Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp trong phạm vi dự toán được giao	

Nguyễn M

Phụ lục IV
NỘI DUNG CHI, MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC
HỘI KHỎE PHÙ ĐỒNG VÀ CÁC GIẢI THỂ THAO, HỘI THAO
(Kèm theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Nội dung	Mức chi (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
I	TỔ CHỨC CẤP TỈNH			
1	Mức chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ			
1.1	Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng phó các tiểu ban chuyên môn	350	người/ngày	
1.2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	275	người/ngày	
1.3	Giám sát, trọng tài chính	130	người/buổi	
1.4	Thư ký, trọng tài khác	130	người/buổi	
1.5	Công an, y tế	100	người/buổi	
1.6	Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ	100	người/buổi	
2	Mức chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho lễ khai mạc, bế mạc			
1.1	Tiền bồi dưỡng tập luyện tập (Đội võ, Đội lân, Đội diễu hành, Đội nghi thức, Đội mô tô, Đội rước đuốc...)	30	người/buổi	
1.2	Tiền bồi dưỡng ngày chính thức khai mạc, bế mạc (Đội võ, Đội lân, Đội diễu hành, Đội nghi thức, Đội mô tô, Đội rước đuốc...)	70	người/buổi	
1.3	Đại biểu tham dự, vận động viên dự lễ khai mạc - bế mạc, Đội lân, Đội diễu hành, Đội nghi thức, Đội mô tô, Đội rước đuốc...	20	người/buổi	
3	Mức chi tiền ăn			
	Tiền ăn Trưởng đoàn, vận động viên, huấn luyện viên tham dự thi đấu (nếu nhận tiền ăn sẽ không thanh toán phụ cấp lưu trú công tác phí trong thời gian dự thi)	240	người/ngày	

Duyệt

STT	Nội dung	Mức chi (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
4	Chi khen thưởng			
4.1	- Đơn:			
	+ Giải nhất (vàng)	260		
	+ Giải nhì (bạc)	195		
	+ Giải ba (đồng)	130		
4.2	- Đôi:			
	+ Giải nhất (vàng)	520		
	+ Giải nhì (bạc)	390		
	+ Giải ba (đồng)	260		
4.3	- Đồng đội			
	+ Giải nhất (vàng)	650		
	+ Giải nhì (bạc)	520		
	+ Giải ba (đồng)	390		
4.4	Các môn tập thể:			
	* Bóng chuyền, bóng đá 7 người (nam THCS - THPT)			
	+ Giải nhất (vàng)	1.950		
	+ Giải nhì (bạc)	1.560		
	+ Giải ba (đồng)	1.040		
	* Bóng đá 5 người (tiểu học - nữ THPT), kéo co			
	+ Giải nhất (vàng)	1.560		
	+ Giải nhì (bạc)	1.040		
	+ Giải ba (đồng)	780		
	4.5	- Giải nhất toàn đoàn	5.200	

STT	Nội dung	Mức chi (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú
4.6	- Giải nhì toàn đoàn	3.250		
4.7	- Giải ba toàn đoàn	1.950		
5	Các khoản chi khác			
	Văn phòng phẩm, băng rol, cờ, thuê mướn, huy chương, giấy khen, khung, khai mạc, dụng cụ chuyên môn, bế mạc, trang phục....	Chi theo thực tế		
6	Tàu xe cho Trưởng đoàn, huấn luyện viên và vận động viên đi thi đấu	Chi theo thực tế		
7	Luyện tập trước khi thi đấu			
7.1	Tiền ăn	150	người/buổi	
7.2	Chi phí đi lại huấn luyện viên, vận động viên	Chi theo thực tế		
7.3	Chi phí dụng cụ, trang phục,...			
II	THI KHU VỰC VÀ THI TOÀN QUỐC			
1	Tiền luyện tập trước khi thi đấu			
1.1	Tiền ăn	150	người/buổi	
1.2	Chi phí đi lại huấn luyện viên, vận động viên	Chi theo thực tế		
1.3	Chi phí dụng cụ, trang phục,...			
2	Chi phí trong khi tham gia thi đấu			
2.1	Tiền ăn thi đấu	240	người/ngày	
2.2	Tiền nước uống	40	người/ngày	
2.3	Tiền nghỉ đêm	350	người/đêm	
2.4	Chi phí dụng cụ, trang phục, thuê xe, làm hồ sơ, tiền thuốc...	Chi theo thực tế		

Phụ lục V
NỘI DUNG, MỨC CHI KHEN THƯỞNG
CÁC KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC MÔN VĂN HÓA
(Kèm theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)



Số TT	Nội dung chi	Mức chi đạt giải cấp quốc gia (1.000đ)	Mức chi đạt giải cấp tỉnh (1.000đ)	Mức chi đạt giải cấp huyện (1.000đ)	Mức chi đạt giải cấp trường (cơ sở) (1.000đ)	Đơn vị tính	Ghi chú	
A	B	1	2	3	4	5	Số lượng giải thưởng không quá 50% số lượng thí sinh dự thi	
1	Chi thưởng cho học sinh đạt giải							
	- Giải nhất	3.600	2.880	2.304	1.728	Học sinh		
	- Giải nhì	2.700	2.160	1.728	1.296	Học sinh		
	- Giải ba	1.800	1.440	1.152	864	Học sinh		
	- Giải khuyến khích	1.300	1.040	832	624	Học sinh		
2	Chi thưởng cho giáo viên (tổ, nhóm giáo viên) trực tiếp bồi dưỡng học sinh đạt giải							Mức khen tương đương số giải học sinh đạt được
	- Giải nhất	3.600	2.880	2.304	1.728	Học sinh/giải		
	- Giải nhì	2.700	2.160	1.728	1.296	Học sinh/giải		
	- Giải ba	1.800	1.440	1.152	864	Học sinh/giải		
	- Giải khuyến khích	1.300	1.040	832	624	Học sinh/giải		

Handwritten signature